FireAnt

CTCP Thống Nhất Hà Nội (UPCOM: TNV)

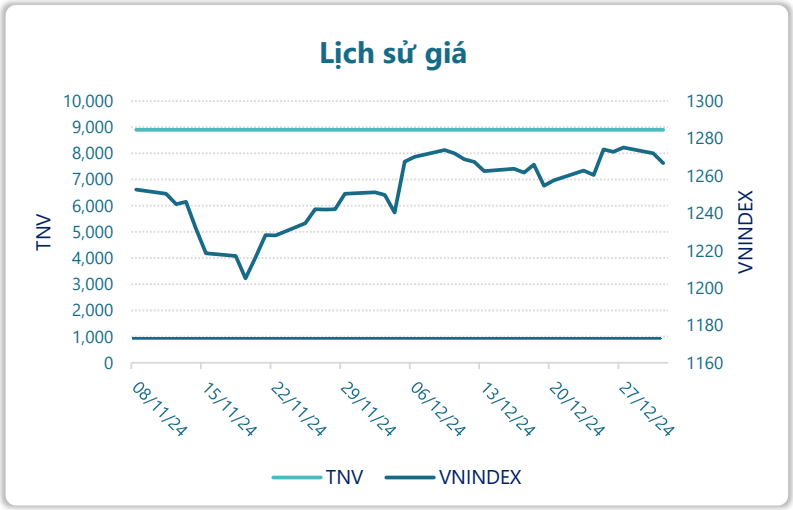

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
SL cổ phiếu LH	23,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	211
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

51.1

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/24

-0.58

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2024

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần

2024

tỷ VNĐ

LN sau thuế

2024

tỷ VNĐ

ROE

2024

#VALUE!

#VALUE!

Kết quả kinh doanh

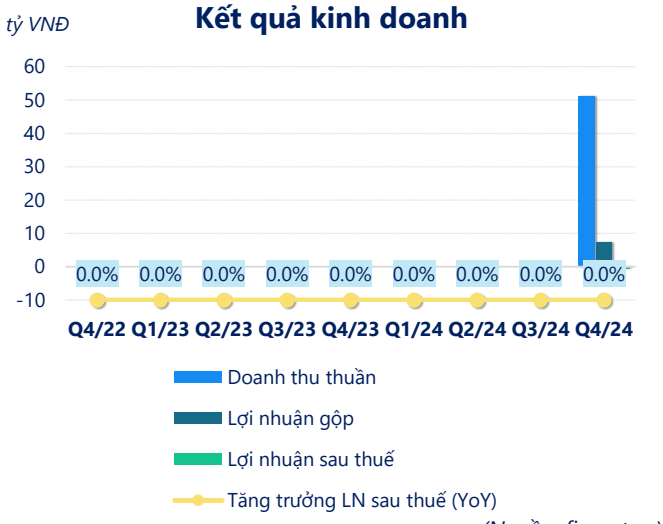

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

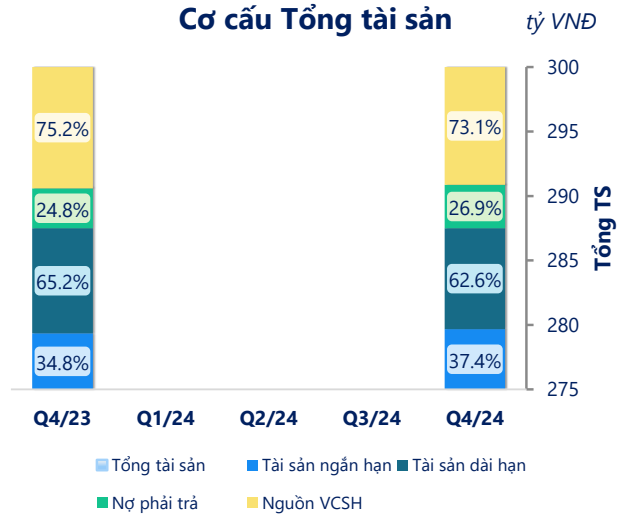

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

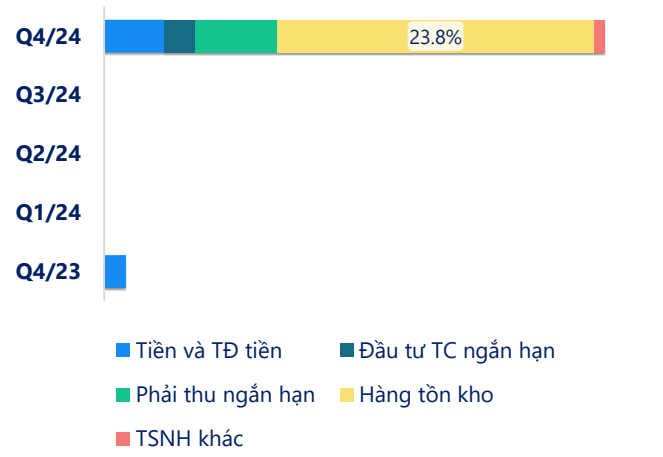

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

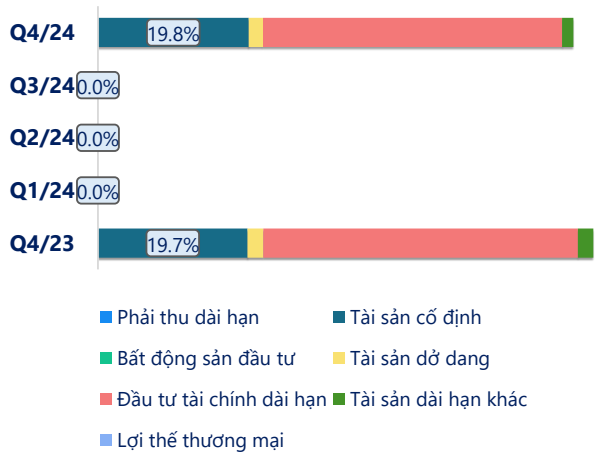

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

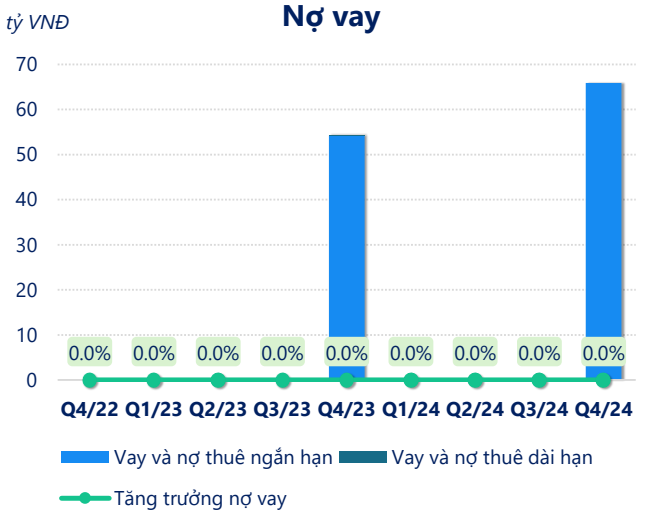

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

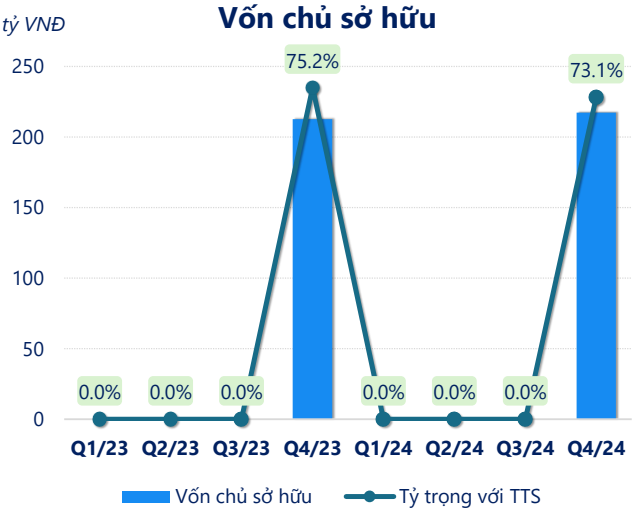

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

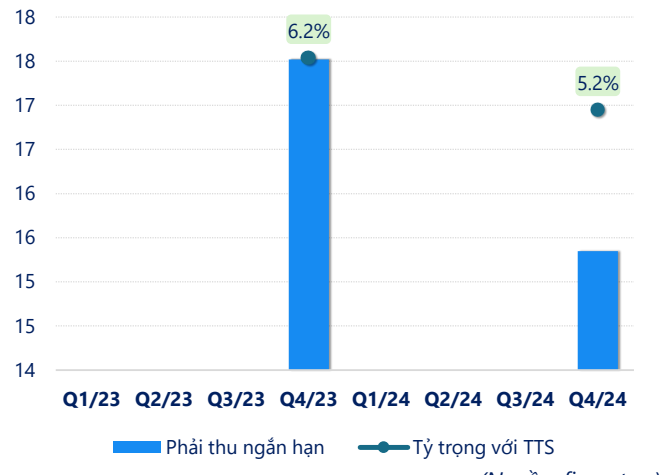

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

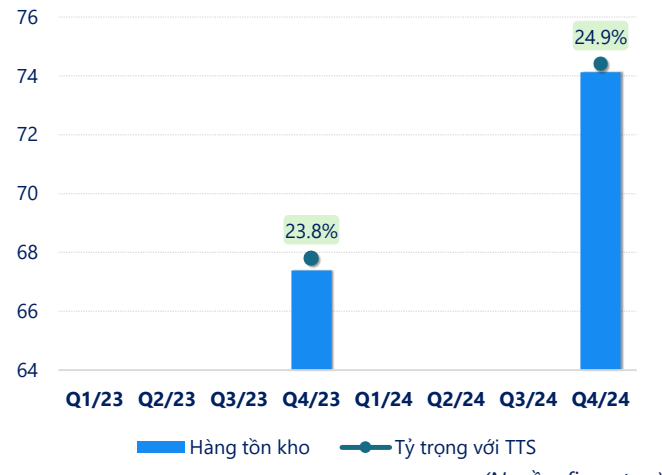

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

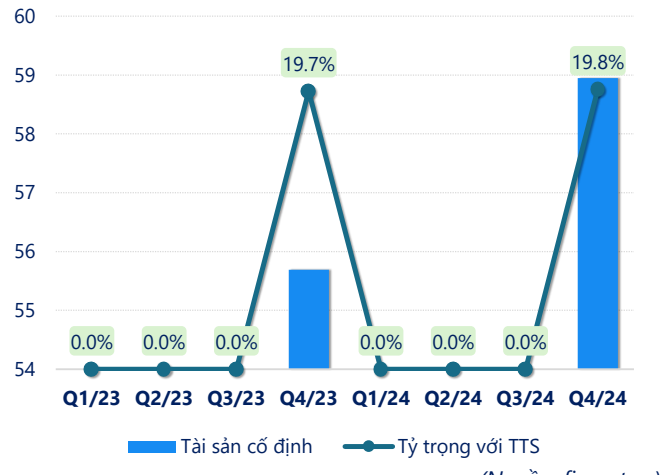

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

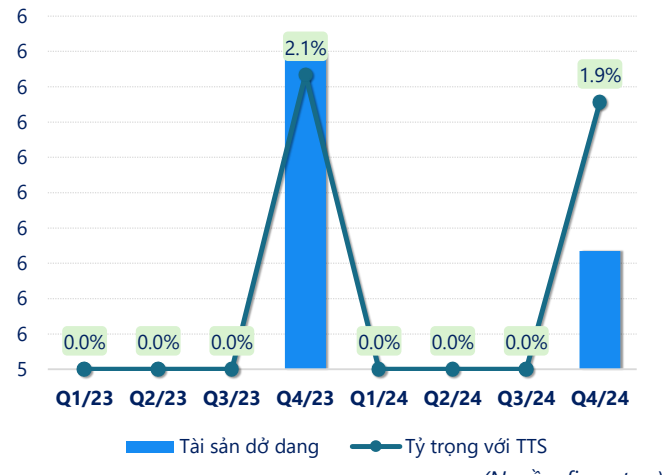

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

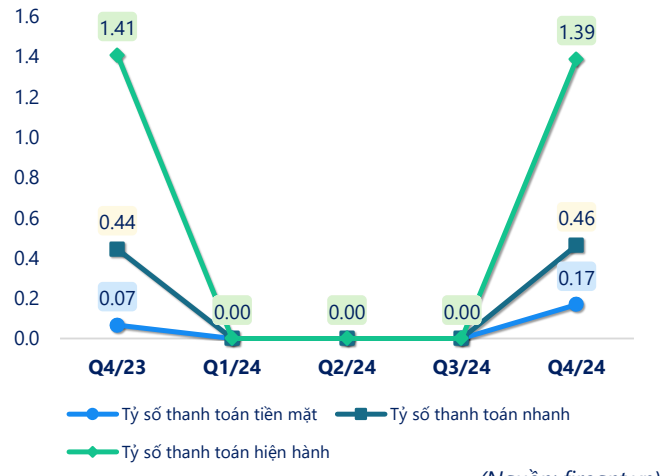

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

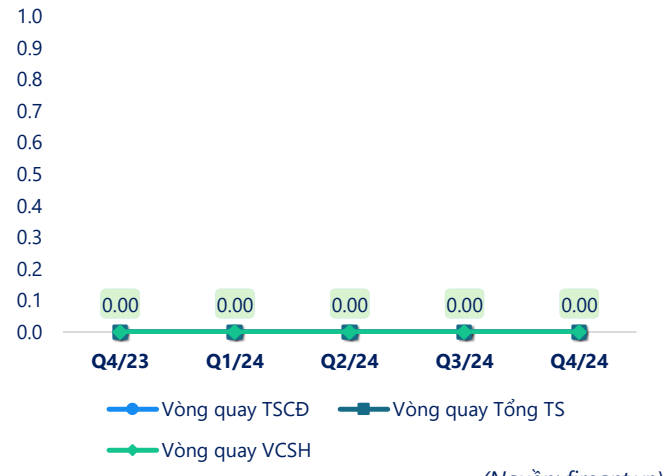

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**283**				**297**
Tài sản ngắn hạn	**98.4**				**111**
Tiền và tương đương tiền	4.67				13.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.50				6.50
Phải thu ngắn hạn	17.5				15.3
Hàng tồn kho	67.4				74.1
Tài sản ngắn hạn khác	2.32				1.81
Tài sản dài hạn	**184**				**186**
Phải thu dài hạn	0				0
Tài sản cố định	55.7				58.9
Bất động sản đầu tư	0				0
Tài sản dở dang	5.90				5.62
Đầu tư tài chính dài hạn	117				117
Tài sản dài hạn khác	5.73				4.44
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	**70.0**				**80.1**
Nợ ngắn hạn	**69.8**				**80.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.2				65.9
Phải trả người bán ngắn hạn	5.79				7.33
Nợ dài hạn	0.20				0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.20				0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**213**				**217**
Vốn chủ sở hữu	**213**				**217**
Vốn điều lệ	237				237
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)